

QUAN NIỆM VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG CỦA TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC CỔ ĐẠI

VÕ VĂN DŨNG^(*)
PHÙNG THỊ AN NA^(**)

Ngày nhận bài: 09/5/2025 Ngày thẩm định: 20/5/2025 Ngày duyệt đăng: 20/8/2025

Tóm tắt: Bài viết làm rõ quan niệm bình đẳng giới thông qua học thuyết âm dương trong triết học Trung Quốc thời kỳ cổ đại. Với giả thuyết đặt ra, liệu học thuyết âm dương trong triết học Trung Quốc thời kỳ cổ đại có phải là nền tảng để định hình quan điểm về bình đẳng giới trong xã hội hay không? Bài viết khái quát về học thuyết âm dương; làm rõ quan niệm bình đẳng giới trong triết học Trung Quốc thời kỳ cổ đại từ góc nhìn của học thuyết âm dương; ý nghĩa của học thuyết âm dương đối với việc thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: bình đẳng giới; cổ đại; học thuyết âm dương; triết học Trung Quốc

1 Đặt vấn đề

Từ khi ra đời, học thuyết âm dương là một trong những học thuyết quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến triết học, văn hóa và xã hội Trung Quốc nói riêng và các nước phương Đông nói chung. Sự ra đời của học thuyết âm dương không chỉ đáp ứng nhu cầu về mặt tâm linh, mà còn lý giải các quy luật trong tự nhiên, xã hội và tư duy. Vì vậy, học thuyết này tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có vấn đề bình đẳng giới, với quan niệm, tất cả các sự vật, hiện tượng trong vũ trụ đều tồn tại và vận động trong mối quan hệ gắn bó với nhau, bổ sung cho nhau. Nó được thể hiện ở hai mặt âm và dương, như âm dương giao cảm, âm dương đối lập, âm dương tương hỗ, âm

dương tiêu trưởng, âm dương chuyển hóa. Với quan điểm âm dương luôn tồn tại trong trạng thái vận động, chuyển hóa cho nhau, học thuyết này không chỉ lý giải về sự vận hành của vũ trụ, mà còn lý giải cách nhìn nhận về vai trò giới từ trong gia đình đến ngoài xã hội.

Mục tiêu của việc nghiên cứu là làm rõ ảnh hưởng của học thuyết âm dương đến quan điểm về giới và sự bình đẳng giới; phân tích ý nghĩa triết học của thuyết âm dương đối với quan niệm giới trong thời kỳ cổ đại và thời kỳ hiện nay. Để làm rõ mục tiêu và giả thuyết đặt ra, nhóm tác giả tiếp cận vấn đề dưới góc nhìn lịch sử triết học. Cách tiếp cận này nhằm làm rõ quá trình hình thành, phát triển và nội dung của học thuyết âm dương cũng như sự tác động của nó đến mối quan hệ giới. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng sử dụng cách tiếp cận liên ngành để phân tích toàn diện các vấn đề. Bài viết được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận

(*) PGS, TS, Trường Đại học Khánh Hòa

(**) TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời, sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của khoa học chuyên ngành và liên ngành; đặc biệt chú trọng các phương pháp phân tích và tổng hợp, logic và lịch sử, so sánh - đối chiếu, thông kê, tổng kết thực tiễn.

2. Nội dung quan niệm về bình đẳng giới trong học thuyết âm dương của triết học Trung Quốc cổ đại

Vào thời kỳ nguyên thủy ở Trung Quốc, khi tri thức của con người còn ở trình độ sơ khai, họ cho rằng, tất cả các sự vật, hiện tượng trong vũ trụ đều có thần linh thống trị. Mỗi sự vật, hiện tượng đều được phân định rạch ròi, không lẫn vào nhau, nhưng không tách rời nhau, mà tồn tại bên nhau. Để giải thích các hiện tượng trong tự nhiên và xã hội, ban đầu họ sử dụng quan điểm thượng đế và quỷ thần, nhưng sau đó họ nhận thấy cách giải thích này có tính mơ hồ, dễ lẫn lộn. Sự xuất hiện của học thuyết âm dương đã làm cho cách giải thích các hiện tượng tiến bộ hơn. Họ cho rằng, âm dương là điểm khởi đầu của tất cả các sự vật, hiện tượng trong vũ trụ: “Hễ tận cùng thì có điểm khởi đầu, đó là sự vận hành của trời”⁽¹⁾. Học thuyết này lần đầu tiên được nhắc đến trong một trận động đất vào năm thứ ba của đời Chu U Vương. Đến thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc, các nhà tư tưởng đã xem học thuyết này là giá đỡ quan trọng để xây dựng nên tư tưởng của họ. Qua quá trình tồn tại và phát triển, học thuyết âm dương đã không ngừng được hoàn thiện và lan tỏa ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó mạnh nhất là lĩnh vực y học cổ truyền. Riêng quan niệm bình đẳng giới hiện vẫn đang là một khoảng trống cần được làm rõ.

Âm dương là hai thuộc tính ban đầu dùng để chỉ ánh sáng và bóng tối, nóng và lạnh, nhưng trong quá trình phát triển, nó dùng để phân định các sự vật, hiện tượng trên thế giới. Trong *Kinh Dịch* ghi rằng, để cai trị tốt thiên hạ, nhà vua phải “ngẩng lên thì xem

các hình tượng trên trời, cúi xuống thì xem các phép tắc ở dưới đất,... gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở vật, rồi làm ra bát quái, để thông suốt cái đức thần minh và điều hòa cái tình của vạn vật”⁽²⁾. Trong quá trình vận động, thái cực phân ra thành âm (- -) và dương (-) các nét đứt liền này chồng lên nhau tạo nên bát quái (càn, đoài, ly, chấn, tốn, khảm, khôn, cấn), bát quái kết hợp lại tạo thành 64 quẻ trong *Kinh Dịch*. Trong tự nhiên có âm dương thì mới có sự chuyển hóa, trong xã hội có âm dương thì mới có vợ chồng, có vợ chồng mới sinh ra xã hội.

Để giải thích các quy luật của tự nhiên, “học thuyết âm dương cho rằng, chữ âm (陰) bao gồm bên trái là sườn núi, bên phải là nóc nhà, ở dưới có đám mây, vì thế mặt trời bị che khuất dẫn đến không có ánh nắng. Dương (陽) bên trái cũng là sườn núi nhưng bên phải là mặt trời, phía dưới là ánh nắng của mặt trời chiếu xuống”⁽³⁾. Phía có ánh nắng thì ấm áp, cây cối xanh tốt, phía không có ánh nắng thì lạnh giá, cây cối không phát triển, vì thế âm dương đã chuyển hóa từ sáng tối sang nóng lạnh, ngày đêm, phân định các mùa, mặt trăng, mặt trời, đực cái, mạnh yếu, trong ngoài,... “Rõ ràng, vạn vật trong vũ trụ không có vật nào là không bao hàm âm dương”⁽⁴⁾. Hai yếu tố này luôn tồn tại trong mỗi sự vật, hiện tượng, chúng vừa đấu tranh với nhau, vừa bao hàm nhau, không phải để triệt tiêu nhau, mà là để cùng nhau tồn tại.

Hành âm đại diện cho nữ, bao gồm các thuộc tính trầm, bên trong, thấp, yếu đuối, tỉ mỉ, kỹ càng. Hành dương đại diện cho nam, bao gồm các thuộc tính bổng, bên ngoài, cao, khỏe mạnh, sơ sài, qua loa. “Học thuyết âm dương cho rằng, hai khí âm dương trong quá trình vận động luôn có sự tương tác qua lại để hỗ trợ cho nhau”⁽⁵⁾. Cũng giống như trong xã hội, giữa nam và nữ không thể tách rời nhau mà phải gắn kết với nhau, bổ sung cho nhau, cảm thông cho nhau để cùng tồn tại. Nam, nữ giao cảm với nhau là để xã hội được hình thành và phát triển, thế nên, âm

ương giao cảm là một trong những điều kiện hình thành nên tất cả. Tuy nhiên, không phải lúc nào âm dương cũng hòa mà giữa chúng có sự tương phản, dẫn đến đối lập, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh từ các bên để đạt được cân bằng. Vì vậy, trong xã hội phải có cả hai giới, không ngừng bổ sung, thúc đẩy nhau để cùng xây dựng một xã hội phát triển bền vững. Trong cuộc sống hằng ngày, khi giải quyết một công việc cần đến sức mạnh cơ bắp thì hướng đến nam giới nhiều hơn, trong khi giải quyết các công việc cần có sự khéo léo thì đôi bàn tay của người phụ nữ lại được phát huy. Sự phân công lao động dựa trên học thuyết âm dương là sự phân công lao động theo giới xuất hiện sớm nhất ở Trung Quốc. Phải lưu ý rằng, thời cổ đại Trung Quốc, khi chăn nuôi và trồng trọt chưa tách rời nhau thì cuộc sống của những người phụ nữ hoàn toàn phụ thuộc vào người đàn ông. Trong *Nghi lễ* có ghi, đàn bà phải theo ba điều, chưa lấy chồng thì theo cha, khi đã lấy chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con. Hàm nghĩa chữ 從 (tòng) là một chữ hội ý, được tạo thành từ hai bộ chính, đó là bộ 辵 (xích) mang hình ảnh của hai bước chân nhỏ cần được bảo vệ và bên phải là bộ 人 (nhân), được hình thành từ hai chữ 亻 đứng cạnh nhau, biểu thị ý nghĩa “người đi cùng nhau”, tức là “đi theo” hoặc “theo sau”. Như vậy, chữ tòng (從) có ý nghĩa là kết hợp hành động di chuyển (辵) với hình ảnh nhiều người đi cùng nhau (人), biểu thị ý nghĩa người đi theo người khác để được bảo vệ. Nếu phân tích theo nghĩa của thuyết âm dương thì bước chân nhỏ chính là âm, đại diện cho phụ nữ, đối tượng cần được bảo vệ, còn chữ nhân bên trên là dương, đại diện cho nam giới, đối tượng phải bảo vệ người khác. Vào thời cổ đại, nam giới không chỉ có nhiệm vụ sản xuất để nuôi sống gia đình, mà còn có nhiệm vụ bảo vệ gia đình trước sự xâm thực của kẻ thù và sự tấn công của thiên địch. Khi người đàn ông đảm đương các công việc bên ngoài thì người phụ nữ có

nhiệm vụ quán xuyến các nhiệm vụ trong nhà. Quan điểm này nếu xét ở giai đoạn lịch sử nó sinh ra là hoàn toàn tiến bộ, tuy nhiên, về sau, quan điểm “tam tòng” của Trung Quốc đã được hiểu theo một nghĩa khác so với nghĩa ban đầu của nó.

Học thuyết âm dương có các đặc trưng sau: xét theo nam, nữ: âm (nhận, nuôi dưỡng, sự bao dung, mềm mại), dương (cho, chăm sóc, nghiêm khắc, cứng rắn); xét ở vũ trụ quan: âm (mặt trăng), dương (mặt trời); xét ở trên mặt đất: âm mang đặc tính (tĩnh lặng, tiềm ẩn, là nguồn nuôi dưỡng sự sống, mềm) dương mang đặc tính (động, lộ ra, là cung cấp năng lượng, cứng); xét ở bên trong mỗi sự vật thì thuộc tính âm dương là sự hài hòa để tạo nên một kết cấu bền vững. Học thuyết âm dương đã gợi mở một quan niệm sâu sắc về sự bình đẳng giới dựa trên nguyên tắc bổ sung và hỗ trợ lẫn nhau, nhấn mạnh đến tư duy cân bằng giữa con người và môi trường sống xung quanh nhằm tạo nên một hệ sinh thái bền vững. Quan điểm này giúp cho xã hội tránh được sự mâu thuẫn không cần thiết và thay vào đó là duy trì sự hài hòa, nhưng vẫn tôn trọng sự khác biệt, để mỗi cá nhân có thể tự do phát triển.

Học thuyết âm dương thể hiện ở sự phân công lao động theo giới. Theo học thuyết này, nam giới thường đảm nhiệm các công việc liên quan đến thể chất, tính chủ động và khả năng chịu được áp lực cao. Nữ giới đảm nhiệm các công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên nhẫn. Trong giai đoạn này, việc chăn nuôi thường được thực hiện trên các thảo nguyên rộng lớn, buộc người chăn nuôi phải ngồi trên lưng ngựa để thực hiện việc chăn thả, bảo vệ gia súc, có những lúc họ phải tổ chức các cuộc săn bắt các con thú ăn thịt để bảo vệ đàn gia súc của mình. Việc làm đó phù hợp với sức mạnh cơ bắp của người nam giới. Cùng với đó, đàn ông phải tham gia vào quân đội để bảo vệ và mở rộng lãnh thổ. Khi xã hội chưa phát triển, phân công lao động dựa trên quan điểm âm (ở trong) và

ương (ở ngoài) là rất quan trọng. Hình thức phân công này đáp ứng được yêu cầu đặt ra và phù hợp với thể chất của mỗi giới. Lúc này, người phụ nữ phải thực hiện các công việc ở trong gia đình, như sinh đẻ và chăm sóc con cái, làm việc nội trợ. Tuy nhiên, nếu xét công việc theo quan điểm trong âm chứa dương, khi đến vụ gieo trồng thì người đàn ông đảm nhiệm công việc dọn ruộng, nương, đánh lỗ, cày bừa, còn phụ nữ đảm nhiệm công việc gieo hạt, cấy, tria. Đến mùa thu hoạch, người đàn ông đảm nhiệm việc khuân vác, đập lúa, còn người phụ nữ đảm nhiệm công việc gặt, phơi. Đối với việc nhà, đàn ông cũng đảm nhiệm việc cần đến cơ bắp, như đốn cây, chẻ củi, dạy con trai cách sinh tồn, phụ nữ đảm nhiệm công việc dọn dẹp nhà cửa, com nước. Rõ ràng, sự phân công lao động theo giới thời kỳ đó là hoàn toàn phù hợp và cho đến ngày nay hình thức phân công này vẫn đang được duy trì.

Học thuyết âm dương còn được thể hiện ở việc quản lý kinh tế trong gia đình. Người đàn ông quản lý phía bên ngoài nên họ sẽ chủ động các công việc, như trao đổi sản phẩm giữa các hộ gia đình nhằm mục đích sử dụng, vì lúc này sự trao đổi mới dừng lại ở hình thức ngẫu nhiên, chưa xuất hiện hình thức trao đổi ngang giá. Người đàn ông quyết định phát triển về số lượng vật nuôi, hình thức quảng canh và địa điểm chăn thả gia súc. Người phụ nữ đại diện cho hành âm, họ quyết định chế độ dinh dưỡng của gia đình. Các sản vật do người đàn ông mang về nhà, người phụ nữ đã khéo léo sử dụng nó một cách chủ động. Dưới góc nhìn này, phụ nữ lúc bấy giờ có vai trò là người giữ vững sự ổn định trong gia đình và là nền tảng cho sự phát triển của xã hội. Sự phân công lao động và quản lý kinh tế theo học thuyết âm dương nếu xét vào thời kỳ đó là tương đối tiến bộ. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, nó đã được điều chỉnh nhằm phục vụ cho lợi ích của giai cấp cầm quyền nên dẫn đến *những hạn chế nhất định*, cụ thể:

Một là, sự phân công lao động theo giới là nguyên nhân sâu xa dẫn đến bất bình đẳng trong xã hội. Học thuyết này ban đầu ra đời với mục tiêu là bảo vệ phụ nữ, nhưng sau đó nó lại được học phái Nho gia phát triển để trở thành các quy định khắt khe đối với người phụ nữ. Nho gia (đặc biệt từ thời Hán với Đông Trùng Thu) đã tuyệt đối hóa thứ bậc âm - dương, gắn nó với đạo “tam tông” (tại gia tông phụ, xuất giá tông phu, phu tử tông tử). Âm bị coi là phải phục tùng dương, biến thành công cụ lý luận để áp chế phụ nữ. Học thuyết âm dương bị diễn giải thành cơ sở để phân chia vai trò xã hội: nam giới (dương) nắm quyền lực chính trị, kinh tế; phụ nữ (âm) bị giới hạn trong không gian gia đình với nhiệm vụ phụng dưỡng. Điều này trở thành nguyên nhân sâu xa của bất bình đẳng, khi phụ nữ bị tước đoạt cơ hội học tập, tham gia xã hội.

Hai là, học thuyết âm dương ban đầu mang tính biện chứng (âm - dương chuyển hóa lẫn nhau), nhưng cách áp dụng của Nho gia đã làm mất đi sự linh hoạt, biến nó thành công cụ bảo thủ. Tư tưởng “âm phục tùng dương” phản ánh tư duy phong kiến, không phù hợp với xã hội hiện đại đề cao bình đẳng giới. Các quy định như “tam tông” đã bị xem là hệ giá trị lỗi thời, là hủ tục, đi ngược lại quyền con người.

Ba là, học thuyết âm dương nhấn mạnh đến sự cân bằng và tương hỗ giữa hai mặt đối lập, nhưng do sự tác động của ý chí giai cấp cầm quyền dẫn đến quan niệm bình đẳng giới trong học thuyết âm dương chưa được thể hiện một cách trọn vẹn. Nhận định đã phê phán đúng đắn sự tha hóa của học thuyết âm dương từ một triết lý cân bằng thành công cụ áp bức.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng bản thân học thuyết âm dương không trực tiếp gây ra bất bình đẳng, mà chính cách diễn giải thiên lệch của hệ tư tưởng Nho giáo (gắn với chế độ phụ quyền) đã tạo ra hạn chế này. Đây là bài học về việc các tư tưởng triết học có thể bị lợi

dụng để phục vụ mục đích kiểm soát, đồng thời cho thấy sự cần thiết của việc tiếp cận lại các học thuyết cổ điển với tư duy phê phán.

3. Ý nghĩa của học thuyết âm dương đối với việc thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay

Học thuyết âm dương cùng với nhiều học thuyết khác từ Trung Quốc đã được truyền bá vào Việt Nam từ rất sớm. Quá trình du nhập của học thuyết âm dương đã dung hợp với văn hóa của dân tộc để trở thành một bộ phận đặc sắc của văn hóa Việt Nam. Hiện nay, việc phân công lao động dựa trên học thuyết âm dương thực hiện theo hình thức trong ngoài, cao thấp không còn phù hợp bởi sự phát triển của khoa học - kỹ thuật và sự phân công lao động xã hội mang tính chuyên môn hóa. Tuy nhiên, nếu bỏ qua những hạn chế mang tính lịch sử thì nó vẫn còn ý nghĩa nhất định.

Thứ nhất, phân công lao động chú trọng tính hài hòa

Ngày nay, nam và nữ có vai trò, vị trí ngang nhau trong mọi lĩnh vực. Họ đều được tạo điều kiện và cơ hội phát triển năng lực ngang nhau ở tất cả các khâu của quy trình công tác. Nam, nữ đều được thụ hưởng và công nhận của xã hội. Tuy nhiên, chúng ta cần phân biệt giữa công bằng và cào bằng, vì không phải ở bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều có cả nam lẫn nữ tham gia. Nhiều công việc đòi hỏi sức mạnh cơ bắp của người đàn ông, nhưng cũng có những công việc đòi hỏi sự kiên trì và khéo léo của người phụ nữ. Tuy nhiên, công bằng không phải cả nam và nữ đều phải tham gia cùng nhau ở tất cả công việc, vì công bằng được hiểu là các giới đều có quyền tham gia ở tất cả các công việc một cách tự nguyện. Căn cứ vào tính chất công việc và sức khỏe của các giới mà họ có thể lựa chọn công việc phù hợp. Sự tham gia này cần được thể hiện một cách hài hòa. Nó mang ý nghĩa sâu sắc trong việc xây dựng và duy trì sự cân bằng của môi trường làm việc từ gia đình đến xã hội. Mỗi giới có đặc điểm và khả năng khác nhau, tương trưng cho các yếu

tố như âm (yếu đuối, tỉ mỉ, cẩn trọng), dương (mạnh mẽ, sáng tạo, quyết đoán). Sự chia sẻ này không cố định mà hết sức linh hoạt, có thể hoán đổi cho nhau tùy vào từng thời điểm cụ thể. Mỗi giới đều có những điểm mạnh, điểm yếu riêng, vì vậy sự phân công lao động mang tính hài hòa là hết sức cần thiết.

Thứ hai, vai trò của âm dương tương hỗ đối với việc thúc đẩy bình đẳng giới ở trong gia đình và ngoài xã hội

Chúng ta thấy rằng, từ trong gia đình đến ngoài xã hội nam (dương), nữ (âm) không tách rời nhau mà luôn bổ sung cho nhau. Để xây dựng bình đẳng giới không phải hướng đến việc “cào bằng giới”, mà phải phát huy được sự khác biệt của các giới nhằm bổ sung cho nhau một cách hài hòa. Phụ nữ và nam giới có thể đổi vai cho nhau để chia sẻ các công việc, như xây dựng kinh tế, chăm sóc, nuôi dạy con cái, chia sẻ công việc nội trợ. Đối với công việc ngoài xã hội, cần kết hợp thế mạnh của hai giới để tạo nên sức mạnh tập thể. Bình đẳng giới không phải là bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, mà là nâng cao trách nhiệm của hai giới. Theo quan điểm của học thuyết âm dương, sự tương hỗ làm cho cả hai giới cùng phát triển để xây dựng một gia đình hòa thuận, xã hội phát triển. Sự tương hỗ không chỉ dừng lại ở sự cân bằng, mà còn là sự chuyển hóa một cách linh hoạt. Như vậy, học thuyết âm dương có ý nghĩa rất lớn đối với việc thúc đẩy bình đẳng giới từ trong gia đình đến ngoài xã hội, hướng đến xây dựng các mối quan hệ bình đẳng, hòa hợp và phát triển bền vững giữa hai giới.

Thứ ba, việc thúc đẩy sự cân bằng và tương đồng giữa các giới là điều cần thiết để xây dựng một xã hội công bằng và tiến bộ

Trong xã hội, các giới tồn tại bên nhau, có mâu thuẫn nhưng không triệt tiêu nhau mà bổ sung cho nhau để cùng phát triển. Vì vậy, sự đối lập này cần được hiểu và tôn trọng, cả hai giới cần được đánh giá dựa trên các thang đo phù hợp, việc đánh giá này cần khoa học, khách quan, toàn diện dựa trên năng lực và

đóng góp của mỗi giới. Vì sự tiến bộ của phụ nữ đề có một xã hội văn minh thì mỗi quốc gia cần tạo lập môi trường bình đẳng đề nữ giới có thể khẳng định được vai trò, vị thế của mình. Nhìn chung, bình đẳng giới có nguồn gốc, ngữ cảnh khác nhau, nhưng đều nhấn mạnh sự cân bằng, hài hòa để tạo ra một xã hội công bằng, thịnh vượng.

Có nhiều ý kiến cho rằng, học thuyết âm dương gắn liền với học phái Nho gia và Mặc gia. Học thuyết âm dương được hình thành từ rất sớm, được nhắc đến trong một trận động đất thời kỳ Chu U Vương và đến thời Phục Hy được ghi chép lại ở trong *Kinh Dịch*. Sự phân công lao động theo giới là hình thức phân công lao động sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc. Tuy nhiên, sự phân công này sau đó đã thay đổi và trở thành một trong những nguyên nhân dẫn đến sự bất bình đẳng trong xã hội. Cũng giống như thuyết tam tông, ban đầu thuyết này được đưa ra để bảo vệ người phụ nữ, nhưng sau đó nó lại được học phái Nho gia phát triển trở thành những quy định khắt khe đối với phụ nữ.

Học thuyết âm dương vẫn có giá trị nhất định trong việc thúc đẩy bình đẳng giới. Học thuyết nhấn mạnh đến âm (nữ) dương (nam) và cho rằng tất cả sự vật, hiện tượng đều do hai yếu tố này hợp thành. Trong xã hội nếu thiếu một trong hai giới thì xã hội sẽ không phát triển, thậm chí âm quá thịnh, dương quá suy hoặc ngược lại cũng sẽ dẫn đến xã hội bất ổn. Để thúc đẩy bình đẳng giới, cần xây dựng một xã hội hài hòa, ở đó mỗi giới đều có thể phát huy được thế mạnh của mình. Phải tôn trọng sự khác biệt của mỗi giới và xem sự khiêm khuyết của giới này là điểm mạnh của giới kia và ngược lại, để hai giới có thể bổ sung cho nhau nhằm xây dựng gia đình và xã hội ngày càng phát triển bền vững.

4. Kết luận

Có thể thấy rằng, học thuyết âm dương trong triết học Trung Quốc cổ đại nhấn mạnh đến sự cân bằng và tương hỗ giữa hai mặt đối lập. Học thuyết này vừa có những giá trị tích cực, vừa còn những hạn chế nhất định. Nhiệm vụ của việc nghiên cứu là chỉ rõ được những hạn chế cần khắc phục và đúc rút giá trị để kế thừa nhằm vận dụng đối với xã hội ngày nay. Học thuyết âm dương không chỉ phản ánh tư duy triết học sâu sắc, mà còn có giá trị nhân văn, hướng tới xây dựng một xã hội công bằng, hài hòa. Với việc nhấn mạnh yếu tố âm dương tương hỗ, đã gợi mở cách tiếp cận công bằng giữa nam và nữ, trong đó thể hiện sự bình đẳng giữa hai giới ở tất cả khía cạnh. Tuy nhiên, do sự tác động của giai cấp cầm quyền và văn hóa trong lịch sử đã làm cho quan điểm bình đẳng giới trong học thuyết âm dương chưa được thể hiện một cách trọn vẹn. Đầu thế, học thuyết này cũng đã để lại những giá trị nhất định, đó là tính tương hỗ giữa các giới nhằm góp phần hình thành nền tảng lý luận cho các cuộc tranh luận đương đại về bình đẳng giới □

(1) Phùng Hữu Lan, *Lịch sử triết học Trung Quốc*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, 2006, tr.529

(2) Nguyễn Hiến Lê, *Kinh dịch đạo của người quân tử*, Nxb Văn học, Hà Nội, 2007, tr.14-15

(3) Võ Văn Dũng, *Học thuyết âm dương và ý nghĩa của nó đối với y học hiện nay*, Nxb Đại học Huế, 2020, tr. 28

(4) Jinzhong, Y., & Zhangxi, Y, Life Universe, Universe Body and Something from Nothing. *Journal of Physical Science and Application*, 9 (2), 2019, 5-16

(5) Xiaoyan, D., Campbell, Y. M., & Tuah, A. S. B. M, Yin-Yang Theory's Influence on Women's Inferior and Subordinate Status in Ancient China. *Asian Journal of Research in Education and Social Sciences*, 6 (3), 2024, 913-926